

Phụ lục: Danh mục Dự án chuyển đổi xanh

(ban hành kèm theo Nghị định số /2024/NĐ-CP ngày tháng năm 2024 của Chính về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ đầu tư)

STT	Tên dự án hoặc hạng mục dự án	Mã ngành kinh tế	Lợi ích bảo vệ môi trường chính	Tiêu chí sàng lọc	Ngưỡng & chỉ tiêu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1.	Sản xuất linh kiện, thiết bị phục vụ sản xuất nhiên liệu H ₂ xanh và ứng dụng khác của công nghệ H ₂ xanh	C.0000003 Sản xuất linh kiện, thiết bị phục vụ sản xuất nhiên liệu Hydrogen và ứng dụng khác của công nghệ H ₂	Ứng phó với biến đổi khí hậu, tiết kiệm năng lượng, phát triển nguồn năng lượng tái tạo	Giảm phát thải KNK trực tiếp hoặc tiết kiệm năng lượng	Có xác nhận quy trình sản xuất có khả năng đáp ứng một trong 06 Chứng chỉ tiêu chuẩn sau: (1) tiêu chí về sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả TCVN ISO 50001 về Hệ thống quản lý năng lượng hoặc (2) TCVN ISO 50002 về Kiểm toán năng lượng hoặc (3) yêu cầu định mức tiêu hao năng lượng của Việt Nam quy định hoặc (4) phù hợp chuyển đổi cacbon thấp theo TCVN ISO 14040 hoặc (5) ISO 14067 hoặc (6) Nhân sinh thái Việt Nam hoặc Nhân môi trường theo TCVN ISO/TS 14027
2.	Phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ giao thông vận tải các bon thấp	4211011.1 Đường sắt cao tốc; 4212011 Đường bộ cao tốc; 421202 Cầu, đường cao tốc trên cao, đường ngầm và dịch vụ xây dựng cầu, đường cao tốc trên cao, đường ngầm; 4212021 Đường cao tốc trên cao	Cải tạo, nâng cấp công trình bảo vệ môi trường, xây dựng hạ tầng đa mục tiêu, thân thiện môi trường	1. Cơ sở hạ tầng phục vụ vận tải không phát thải trực tiếp 2. Cơ sở hạ tầng dành cho các hoạt động đi bộ, xe đạp, xe điện 3. Cơ sở hạ tầng phục vụ vận tải các bon thấp	1. Không giới hạn 2. Không giới hạn 3. Cơ sở hạ tầng sử dụng cho phương tiện đáp ứng qui định về các ngưỡng phát thải CO ₂ đối với phương tiện giao thông vận tải đường bộ (nếu có qui định hoặc phải có bản thuyết minh hoặc có xác nhận phù hợp)
3.	Lắp đặt, vận hành hệ thống khử mặn nước	42220.003 Xây dựng công trình cấp, thoát nước	Thích ứng biến đổi khí hậu	1. Công nghệ và thiết bị sử dụng tiết kiệm năng lượng	1.1. Đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiết kiệm năng lượng; hoặc có thuyết minh giải

STT	Tên dự án hoặc hạng mục dự án	Mã ngành kinh tế	Lợi ích bảo vệ môi trường chính	Tiêu chí sàng lọc	Ngưỡng & chỉ tiêu
	biển và nước lợ	khử mặn nước biển và nước lợ; 36000.003 Khai thác, xử lý và cung cấp nước (xử lý nước lợ, nước mặn để cung cấp nước như là sản phẩm chính)		2. Chất lượng nước sau khi xử lý	trình về mức tiêu hao năng lượng và các biện pháp giảm mức tiêu hao năng lượng cho đơn vị sản phẩm là nước sạch trong quá trình vận hành hệ thống; 1.2. Sử dụng năng lượng tái tạo trong quá trình vận hành, chỉ sử dụng nhiên liệu hóa thạch khi nguồn điện tái tạo cạn kiệt 2. Kết quả kiểm định nước sau xử lý phải đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4.	Sản xuất thiết bị điện và máy móc, thiết bị khác sử dụng hiệu quả năng lượng	2710.0001 Mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện sử dụng hiệu quả năng lượng; 27400.001 Thiết bị điện chiếu sáng tiết kiệm năng lượng; 27500.001 Đồ điện dân dụng tiết kiệm năng lượng; 27900.001 Thiết bị điện khác sử dụng tiết kiệm năng lượng; 28.000001 Máy móc, thiết bị sử dụng hiệu quả năng lượng chưa được phân vào đâu	Ứng phó với biến đổi khí hậu, tiết kiệm năng lượng, phát triển nguồn năng lượng tái tạo	Giảm phát thải KNK trực tiếp hoặc tiết kiệm năng lượng	Có xác nhận quy trình sản xuất có khả năng đáp ứng một trong 05 chứng chỉ tiêu chuẩn sau: (1) Sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả đáp ứng TCVN ISO 50001 về Hệ thống quản lý năng lượng hoặc (2) TCVN ISO 50002 về Kiểm toán năng lượng hoặc (3) yêu cầu định mức tiêu hao năng lượng của Việt Nam hoặc (4) thiết bị, linh kiện, sản phẩm được dán nhãn tiết kiệm năng lượng đáp ứng yêu cầu tại VBHN số 23/VBHN-BCT ngày 24/3/2020 hoặc (5) Nhân sinh thái Việt Nam hoặc tiêu chuẩn về nhãn môi trường TCVN ISO/TS 14027

STT	Tên dự án hoặc hạng mục dự án	Mã ngành kinh tế	Lợi ích bảo vệ môi trường chính	Tiêu chí sàng lọc	Ngưỡng & chỉ tiêu
5.	Sản xuất sắt, thép sử dụng hiệu quả năng lượng	24100.001 Sản xuất sắt, thép, gang sử dụng hiệu quả năng lượng	Ứng phó với biến đổi khí hậu, tiết kiệm năng lượng, phát triển nguồn năng lượng tái tạo	Giảm phát thải KNK trực tiếp hoặc tiết kiệm năng lượng	Có xác nhận quy trình sản xuất có khả năng đáp ứng tiêu chí tiết kiệm năng lượng giảm 10% (đến 2025) và 16,6% (đến 2030) so với mức phát thải cơ sở hoặc đáp ứng các quy định về sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả như TCVN ISO 50001 về Hệ thống quản lý năng lượng hoặc TCVN ISO 50002: về Kiểm toán năng lượng, hoặc đáp ứng yêu cầu định mức tiêu hao năng lượng của Việt Nam quy định
6.	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện tử phục vụ phát triển công nghệ các-bon thấp	261001.01 Sản xuất linh kiện điện tử phục vụ phát triển công nghệ các-bon thấp	Ứng phó với biến đổi khí hậu, tiết kiệm năng lượng, phát triển nguồn năng lượng tái tạo	Giảm phát thải trực tiếp hoặc tiết kiệm năng lượng	Có xác nhận quy trình sản xuất có khả năng đáp ứng một trong 06 Chứng chỉ tiêu chuẩn sau: (1) tiêu chí về sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả TCVN ISO 50001 về Hệ thống quản lý năng lượng hoặc (2) TCVN ISO 50002 về Kiểm toán năng lượng, hoặc (3) yêu cầu định mức tiêu hao năng lượng của Việt Nam quy định hoặc (4) tiêu chuẩn phù hợp chuyển đổi cacbon thấp theo TCVN ISO 14040; hoặc (5) ISO 14067 hoặc (6) Nhân sinh thái Việt Nam hoặc Nhân môi trường theo TCVN ISO/TS 14027
7.	Sản xuất phương tiện giao thông vận tải ứng dụng công	30990.001 Sản xuất phương tiện vận tải ứng dụng	Ứng phó với biến đổi khí hậu, tiết kiệm năng lượng, phát triển	Giảm phát thải KNK trực tiếp hoặc tiết kiệm năng lượng	Có xác nhận quy trình sản xuất có khả năng đáp ứng một trong 06 Chứng chỉ tiêu chuẩn sau: (1) tiêu chí về sử dụng năng

STT	Tên dự án hoặc hạng mục dự án	Mã ngành kinh tế	Lợi ích bảo vệ môi trường chính	Tiêu chí sàng lọc	Ngưỡng & chỉ tiêu
	nghe các-bon thấp	công nghệ các-bon thấp	nguồn năng lượng tái tạo		lượng tiết kiệm, hiệu quả TCVN ISO 50001 về Hệ thống quản lý năng lượng hoặc (2) TCVN ISO 50002 về Kiểm toán năng lượng hoặc (3) yêu cầu định mức tiêu hao năng lượng của Việt Nam quy định; hoặc (4) phù hợp chuyển đổi cacbon thấp theo TCVN ISO 14040; hoặc (5) ISO 14067 hoặc (6) Nhân sinh thái Việt Nam hoặc Nhân môi trường theo TCVN ISO/TS 14027
8.	Sản xuất sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo ứng dụng công nghệ môi trường	C.0000002 Sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo ứng dụng công nghệ môi trường	Cải thiện chất lượng môi trường, cải tạo, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường	Công nghệ áp dụng	1. Không giới hạn nhưng phải có xác nhận quy trình sản xuất có khả năng áp dụng Kỹ thuật hiện có tốt nhất (BAT) ¹ theo lộ trình quy định trong pháp luật bảo vệ môi trường (nếu có)
9.	Xử lý dữ liệu, cho thuê hạ tầng thông tin và hoạt động liên quan theo hướng áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất	63110.001 Dịch vụ xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan; công thông tin theo hướng áp dụng BAT; 63120.001 Dịch vụ công thông tin theo hướng áp dụng BAT	Ứng phó với biến đổi khí hậu, tiết kiệm năng lượng, phát triển nguồn năng lượng tái tạo	Công nghệ, thiết bị sử dụng để lưu trữ, xử lý dữ liệu	Không giới hạn nhưng phải áp dụng Kỹ thuật hiện có tốt nhất (BAT) theo lộ trình quy định trong pháp luật bảo vệ môi trường (nếu có)

¹ Kỹ thuật hiện có tốt nhất (BAT - Best Available Techniques), là “giải pháp kỹ thuật tốt nhất được lựa chọn bảo đảm phù hợp với thực tế, hiệu quả trong phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường” (Khoản 36, Điều 3, Luật BVMT năm 2020)

Điều 105 Luật BVMT quy định, BAT sẽ được áp dụng cho các dự án đầu tư, cơ sở thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường theo lộ trình được Chính phủ quy định. Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 đã quy định chi tiết lộ trình áp dụng BAT cho các đối tượng có liên quan.